

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng GPMB thực hiện dự án đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn từ Cát Tiến - Diêm Vân.

Đợt 13: Bồi thường, hỗ trợ của 55 hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng do mượn tạm đất để phục vụ thi công dự án thuộc địa bàn xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định và Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều quy định kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 65/2014/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 24/8/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mô mã trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Căn cứ Quyết định số 3728/QĐ-UBND ngày 08/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định đoạn Cát Tiến - Diêm Vân;

Căn cứ Quyết định số 4980/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án mượn tạm đất để phục vụ thi công dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến - Diêm Vân;

Theo đề nghị của Thường trực Hội đồng bồi thường GPMB dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến - Diêm Vân tại Tờ trình số 745/TTr-BQLGT ngày 18/04/2022 và Biên bản cuộc họp ngày 15/4/2022,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bồi thường, hỗ trợ cho 55 hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng do mượn tạm đất để phục vụ thi công dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến - Diêm Vân thuộc địa bàn xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước, với nội dung chính như sau:

1. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho 55 hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng do mượn tạm đất để thi công dự án và chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) là: **508.824.000 đồng** (Năm trăm lẻ tám triệu, tám trăm hai mươi bốn ngàn đồng). Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ:	498.847.000 đồng;
+ Bồi thường cây cối hoa màu:	66.391.000 đồng;
+ Hỗ trợ cây cối hoa màu trong thời gian ngừng sản xuất:	398.345.000 đồng;
+ Hỗ trợ cải tạo đất cho người dân:	34.111.000 đồng;
- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%):	9.977.000 đồng.

2. Nguồn vốn chi trả: Từ nguồn chi phí bồi thường, GPMB của dự án nêu trên.

(Kèm theo Phụ lục và Phương án chi tiết theo Văn bản số 745/TTr-BQLGT ngày 18/04/2022 của Thường trực Hội đồng bồi thường GPMB dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến - Diêm Vân).

Điều 2. Ban QLDA Giao thông tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Giám đốc Ban QLDA Giao thông tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước, hộ gia đình, cá nhân có liên quan và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- PVP TD;
- Lưu: VT, K19.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tự Công Hoàng

PHỤ LỤC**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ HỖ TRỢ MƯỢN TẠM ĐẤT ĐỂ VỰC VỤ THI CÔNG****Dự án: Đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến - Diêm Vân****Đợt 13: Đất nông nghiệp và cây trồng của 55 hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng thuộc địa bàn xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước***(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /4/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

TT	Chủ sử dụng	Địa chỉ	Tờ bản đồ số	Thửa số	Tổng diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích mượn tạm (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)	Nội dung bồi thường, hỗ trợ			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)
								Bồi thường cây cối, hoa màu	Hỗ trợ cây cối hoa màu trong thời gian ngừng sản xuất	Hỗ trợ cải tạo đất cho người dân	
A	Các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng mượn tạm và bị ảnh hưởng thu hồi (47 hộ)										
1	Bùi Thị Giúp	Thôn Xuân Phương, xã Phước Sơn	8	890	595,2	141,6	453,6	1.565.000	9.388.000	804.000	11.757.000
			3	529	419,5	206,1	213,4				
2	Lê Thị Đông (chết), con Nguyễn Thị Là (ĐDKK)	Thôn Xuân Phương, xã Phước Sơn	3	385	492,6	57,8	434,8	260.000	1.561.000	134.000	1.955.000
3	Lê Thị Sỹ, cháu Nguyễn Hải Quang (ĐDKK)	Thôn Xuân Phương, xã Phước Sơn	3	77	743,8	309,7	434,1	1.394.000	8.362.000	716.000	10.472.000
4	Nguyễn Bá Tùng, vợ Nguyễn Thị Hoà	Thôn Xuân Phương, xã Phước Sơn	4	15	662,0	521,2	140,8	2.345.000	14.072.000	1.205.000	17.622.000
5	Nguyễn Đức Thuận	Thôn Xuân Phương, xã Phước Sơn	8	554	1.113,7	1.025,1	88,6	4.613.000	27.678.000	2.370.000	34.661.000
6	Nguyễn Hồng Mai, vợ Lê Thị Kim Cúc	Thôn Xuân Phương, xã Phước Sơn	3	195	212,5	11,6	200,9	52.000	313.000	27.000	392.000
7	Nguyễn Hữu Trúc, vợ Nguyễn Thị Thanh Sương	Thôn Xuân Phương, xã Phước Sơn	8	242	774,3	18,8	755,5	85.000	508.000	43.000	636.000
8	Nguyễn Kim Nghị, vợ Nguyễn Thị Hoa	Thôn Xuân Phương, xã Phước Sơn	8	25	2.071,8	458,1	1.613,7	2.061.000	12.369.000	1.059.000	15.489.000
9	Nguyễn Kim Sơn, vợ Nguyễn Thị Huyền Vân	Thôn Xuân Phương, xã Phước Sơn	3	34	915,0	515,8	399,2	2.321.000	13.927.000	1.193.000	17.441.000
10	Nguyễn Lâm Phúc(chết), con Nguyễn Văn Hạnh (ĐDKK)	Thôn Xuân Phương, xã Phước Sơn	8	155	402,0	123,7	278,3	1.627.000	9.761.000	836.000	12.224.000
			8	553	361,6	237,8	123,8				
11	Nguyễn Minh Khánh, vợ Nguyễn Thị Điềm	Thôn Xuân Phương, xã Phước Sơn	3	346	1.887,8	240,5	1.647,3	1.082.000	6.494.000	556.000	8.132.000

TT	Chủ sử dụng	Địa chỉ	Tờ bản đồ số	Thửa số	Tổng diện tích thửa đất (m2)	Diện tích mượn tạm (m2)	Diện tích còn lại (m2)	Nội dung bồi thường, hỗ trợ			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)
								Bồi thường cây cối, hoa màu	Hỗ trợ cây cối hoa màu trong thời gian ngừng sản xuất	Hỗ trợ cải tạo đất cho người dân	
12	Nguyễn Ngọc Xuân	Thôn Xuân Phương, xã Phước Sơn	8	241	944,5	36,0	908,5	162.000	972.000	83.000	1.217.000
13	Nguyễn Quỳnh, vợ Trần Thị Lan	Thôn Xuân Phương, xã Phước Sơn	8	59	614,0	98,7	515,3	444.000	2.665.000	228.000	3.337.000
14	Nguyễn Thị Hương, dâu Nguyễn Thị Sen (ĐDKK)	Thôn Xuân Phương, xã Phước Sơn	8	146	378,5	49,0	329,5	221.000	1.323.000	113.000	1.657.000
15	Nguyễn Thị Xuân	Thôn Xuân Phương, xã Phước Sơn	8	864	377,3	79,9	297,4	360.000	2.157.000	185.000	2.702.000
16	Nguyễn Văn Đức, vợ Nguyễn Thị Thanh Tùng	Thôn Xuân Phương, xã Phước Sơn	8	243	691,4	20,9	670,5	94.000	564.000	48.000	706.000
17	Nguyễn Văn Láng (chết), vợ Nguyễn Thị Cẩm Nhung	Thôn Xuân Phương, xã Phước Sơn	4	196	1.296,0	19,1	1.276,9	86.000	516.000	44.000	646.000
18	Phạm Văn Tám, vợ Nguyễn Thị Tám	Thôn Xuân Phương, xã Phước Sơn	8	475	621,4	21,3	600,1	96.000	575.000	49.000	720.000
19	Trần Văn Kim, vợ Phan Thị Hạnh	Thôn Xuân Phương, xã Phước Sơn	8	437	1.847,5	524,1	1.323,4	2.358.000	14.151.000	1.212.000	17.721.000
20	Trịnh Thị Yến Thu	Thôn Xuân Phương, xã Phước Sơn	8	238	889,2	217,6	671,6	3.558.000	21.349.000	1.828.000	26.735.000
			8	489	3.951,4	573,1	3.378,3				
21	Võ Đức Long, vợ Nguyễn Thị Bích Nga	Thôn Xuân Phương, xã Phước Sơn	3	299	2.565,8	218,6	2.347,2	984.000	5.902.000	505.000	7.391.000
22	Võ Dũng, Đỗ Thị Nhân, dâu Thân Thị Mỹ Liên (ĐDKK)	Thôn Xuân Phương, xã Phước Sơn	8	551	2.158,3	37,7	2.120,6	170.000	1.018.000	87.000	1.275.000
23	Võ Thị Hoa	Thôn Xuân Phương, xã Phước Sơn	8	634	982,2	557,9	424,3	2.511.000	15.063.000	1.290.000	18.864.000
24	Đặng Thị Chiêu, dâu Dương Thị Phi Yến (ĐDKK)	Thôn Xuân Phương, xã Phước Sơn	8	169	479,2	28,2	451,0	127.000	761.000	65.000	953.000
25	Lê Kim Hùng, vợ Nguyễn Thị Hoa	Thôn Xuân Phương, xã Phước Sơn	8	836	197,5	30,5	167,0	137.000	824.000	71.000	1.032.000
26	Lê Ngọc Thì, vợ Nguyễn Thị Tạo	Thôn Xuân Phương, xã Phước Sơn	8	122	536,6	69,9	466,7	315.000	1.887.000	162.000	2.364.000
27	Nguyễn Diễm, vợ Nguyễn Thị Lang	Thôn Xuân Phương, xã Phước Sơn	3	33	1.758,5	158,5	1.600,0	713.000	4.280.000	366.000	5.359.000

TT	Chủ sử dụng	Địa chỉ	Tờ bản đồ số	Thửa số	Tổng diện tích thửa đất (m2)	Diện tích mượn tạm (m2)	Diện tích còn lại (m2)	Nội dung bồi thường, hỗ trợ			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)
								Bồi thường cây cối, hoa màu	Hỗ trợ cây cối hoa màu trong thời gian ngừng sản xuất	Hỗ trợ cải tạo đất cho người dân	
28	Nguyễn Minh Chánh, vợ Nguyễn Thị Nguyệt	Thôn Xuân Phương, xã Phước Sơn	8	121	1.152,0	140,5	1.011,5	632.000	3.794.000	325.000	4.751.000
29	Nguyễn Ngọc Hải, vợ Nguyễn Thị Ngọc Liên	Thôn Xuân Phương, xã Phước Sơn	8	239	1.839,8	318,7	1.521,1	1.434.000	8.605.000	737.000	10.776.000
30	Nguyễn Thái Sơn, vợ Phan Thị Vân	Thôn Xuân Phương, xã Phước Sơn	8	92	659,6	161,2	498,4	725.000	4.352.000	373.000	5.450.000
31	Nguyễn Thanh Hà, vợ Nguyễn Thị Hạnh	Thôn Xuân Phương, xã Phước Sơn	8	123	509,5	67,2	442,3	302.000	1.814.000	155.000	2.271.000
32	Nguyễn Thuận(chết), con Nguyễn Thị Thanh (ĐDKK)	Thôn Xuân Phương, xã Phước Sơn	3	170	2.592,2	810,7	1.781,5	3.648.000	21.889.000	1.874.000	27.411.000
33	Nguyễn Văn Ngãi	Thôn Xuân Phương, xã Phước Sơn	4	1	2.019,4	210,8	1.808,6	949.000	5.692.000	487.000	7.128.000
34	Nguyễn Văn Quang, vợ Nguyễn Thị Thơm	Thôn Xuân Phương, xã Phước Sơn	8	147	967,5	127,4	840,1	573.000	3.440.000	295.000	4.308.000
35	Lê Thị Ái	Thôn Xuân Phương, xã Phước Sơn	8	844	345,0	67,7	277,3	305.000	1.828.000	157.000	2.290.000
36	Lê Thị Soạn	Thôn Xuân Phương, xã Phước Sơn	8	237	1.353,5	213,2	1.140,3	959.000	5.756.000	493.000	7.208.000
37	Nguyễn Kim Thành, vợ Nguyễn Thị Học	Thôn Xuân Phương, xã Phước Sơn	3	36	1.746,6	214,9	1.531,7	967.000	5.802.000	497.000	7.266.000
38	Nguyễn Ngọc Hưng, vợ Đỗ Thị Kim Loan	Thôn Xuân Phương, xã Phước Sơn	8	91	1.437,0	21,2	1.415,8	95.000	572.000	49.000	716.000
39	Nguyễn Ổ (chết), vợ Nguyễn Thị Tổng	Thôn Xuân Phương, xã Phước Sơn	3	345	771,6	297,9	473,7	1.341.000	8.043.000	689.000	10.073.000
40	Nguyễn Quang Mỹ, vợ Nguyễn Thị Quyên	Thôn Xuân Phương, xã Phước Sơn	3	240	2.188,3	740,9	1.447,4	3.334.000	20.004.000	1.713.000	25.051.000
41	Nguyễn Văn Tám, vợ Nguyễn Thị Mỹ Dung	Thôn Xuân Phương, xã Phước Sơn	3	96	1.168,2	54,0	1.114,2	243.000	1.458.000	125.000	1.826.000
42	Phùng Đình Tài, vợ Trịnh Thị Bưởi	Thôn Xuân Phương, xã Phước Sơn	8	490	1.883,2	587,5	1.295,7	2.644.000	15.863.000	1.358.000	19.865.000
43	Phùng Thị Ngọc	Thôn Xuân Phương, xã Phước Sơn	8	419	1.975,8	217,0	1.758,8	977.000	5.859.000	502.000	7.338.000

TT	Chủ sử dụng	Địa chỉ	Tờ bản đồ số	Thửa số	Tổng diện tích thửa đất (m2)	Diện tích mượn tạm (m2)	Diện tích còn lại (m2)	Nội dung bồi thường, hỗ trợ			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)
								Bồi thường cây cối, hoa màu	Hỗ trợ cây cối hoa màu trong thời gian ngừng sản xuất	Hỗ trợ cải tạo đất cho người dân	
44	Tô Thị Thanh	Thôn Xuân Phương, xã Phước Sơn	8	868	1.196,5	118,3	1.078,2	532.000	3.194.000	274.000	4.000.000
45	Trần Minh Quang, vợ Nguyễn Thị Kim Xuyên	Thôn Xuân Phương, xã Phước Sơn	3	298	2.666,8	701,9	1.964,9	3.159.000	18.951.000	1.623.000	23.733.000
46	Nguyễn Đức Văn	Thôn Xuân Phương, xã Phước Sơn	4	14	2008,3	370,2	1.638,1	1.666.000	9.995.000	856.000	12.517.000
47	Nguyễn Thị Mau	Thôn Xuân Phương, xã Phước Sơn	8	36	1667,3	199,1	1.468,2	896.000	5.376.000	460.000	6.732.000
B	Các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng mượn tạm (8 hộ)										
48	Lê Văn Dũng	Thôn Xuân Phương, xã Phước Sơn	8	459	1210,2	89,5	1.120,7	403.000	2.417.000	207.000	3.027.000
49	Nguyễn Đình Phùng(chết),con Nguyễn Bá Tùng(ĐDKK)	Thôn Xuân Phương, xã Phước Sơn	3	35	702,8	370,3	332,5	1.666.000	9.998.000	856.000	12.520.000
50	Nguyễn Kiểm, vợ Nguyễn Thị Kim Loan	Thôn Xuân Phương, xã Phước Sơn	3	67	1548,3	384	1.164,3	2.481.000	14.888.000	1.275.000	18.644.000
			3	241	2521	167,4	2.353,6				
51	Nguyễn Thành Thân	Thôn Xuân Phương, xã Phước Sơn	4	16	944,3	75,5	868,8	893.000	5.360.000	459.000	6.712.000
			4	732	254,8	123	131,8				
52	Phạm Văn Hưng, vợ Ngô Thị Loan	Thôn Xuân Phương, xã Phước Sơn	8	525	2246,9	762,5	1.484,4	3.431.000	20.588.000	1.763.000	25.782.000
53	Trần Văn Thanh, vợ Nguyễn Thị Dung	Thôn Xuân Phương, xã Phước Sơn	8	156	468,9	106,4	362,5	479.000	2.873.000	246.000	3.598.000
54	Trương Thị Giúp	Thôn Xuân Phương, xã Phước Sơn	8	331	1747,6	35,5	1.712,1	160.000	959.000	82.000	1.201.000
55	Võ Văn Ba, vợ Nguyễn Thị Mười	Thôn Xuân Phương, xã Phước Sơn	8	633	1130,2	390,2	740,0	1.756.000	10.535.000	902.000	13.193.000
I	Tổng cộng chi phí bồi thường, hỗ trợ (1 + 2 + + 55)				73.864,2	14.753,4	59.110,8	66.391.000	398.345.000	34.111.000	498.847.000
II	Chi phí phục vụ công tác GPMB (I x 2%)										9.977.000
III	Tổng cộng (I+II)										508.824.000